

Số: ~~1236~~/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 21 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 8 NĂM 2017

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8/2017 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 10,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,72%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 18,95%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,18%; Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 3,9% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,25% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm 2016 (+6,8%). Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,34%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 18,8%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,76%; công nghiệp khai khoáng tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 8/2017 có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Phân hóa học tăng 47,78%; lốp xe các loại tăng 40,0%; điện sản xuất tăng 28,13%; đá xây dựng tăng 24,77%; nước hoa quả, tăng lực tăng 21,48%; sẫm xe các loại tăng 19,8%; xi măng tăng 13,37%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 13,27%. Một số sản phẩm có mức tăng ổn định như: Quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 8,32%; dăm gỗ tăng 3,17%; nước máy tăng 2,5%; điện thương phẩm tăng 1,96%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng inmenit và tinh quặng inmenit giảm 34,9%; tinh bột sắn giảm 32,07%; dầu thông giảm 15,97%; ván ép giảm 3,94%; bia lon giảm 2,33%; gạch xây giảm 1,75% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2017 ước đạt 2105,15 tỷ đồng, tăng 2,32% so với tháng trước và tăng 9,4% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1783,5 tỷ đồng, tăng 2,63% so với tháng trước và tăng 8,63% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 231,76 tỷ đồng, tăng 0,61% so với tháng trước và tăng 14,7% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 3,0 tỷ đồng, giảm 1,57% so với tháng trước và tăng 5,28% so với

tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 86,96 tỷ đồng, tăng 0,92% so với tháng trước và tăng 11,92% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 16.087,96 tỷ đồng, tăng 11,92% so với cùng kỳ năm trước và đạt 64,35% so với kế hoạch năm 2017.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2000; Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam.

- Đơn đốc đơn vị tư vấn lập Quy hoạch điện mặt trời tỉnh đến năm 2020; Hoàn thiện Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2025 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và trình Bộ Công Thương, UBND tỉnh Kế hoạch phát triển ngành Công Thương năm 2018; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 35/NQ - CP và Bản cam kết giữa UBND tỉnh với VCCI Việt Nam.

- Tổ chức lấy ý kiến tham gia (lần 2) đối với Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2022; Báo cáo tình hình hỗ trợ, phát triển Hợp tác xã công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp. Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu xử lý cụm công nghiệp Hướng Tân và dự án xin đầu tư vào cụm công nghiệp; Thực hiện Đề án hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Cửa Tùng. Tham mưu triển khai, phổ biến Nghị định 68/CP về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Đơn đốc đẩy nhanh tiến độ (đợt 3) và hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà thầu (đợt 4) thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh, giai đoạn 2014 – 2020. Hướng dẫn hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án điện gió tại xã Hướng Linh và Hướng Hiệp; Triển khai thực hiện Dự án thủy điện La Tó, huyện ĐaKrông; Đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung Dự án thủy điện ĐaKrông.

- Chuẩn bị nội dung, tham mưu UBND tỉnh làm việc các ngành, đơn vị liên quan về tiếp nhận quản lý, vận hành, bán điện trên huyện đảo Cồn Cỏ; Triển khai nhiệm vụ bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn huyện Gio Linh.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tập huấn nghiệp vụ công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Triển khai kiểm tra, giám sát thực hiện Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Đề xuất định mức hỗ trợ trong xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2017.

- Đề xuất bổ sung quy hoạch địa điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa; Tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương về bổ sung dự án đầu tư Trung tâm thương mại Nam Đông Hà vào Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh đến năm 2020.

- Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các Chuyên đề của Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh; Hội nghị thẩm định các Đề án xúc tiến thương mại năm 2018.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh; Xây dựng Kế hoạch hợp tác giữa Plan Quảng Trị và Sở Công Thương; Triển khai gian triển lãm trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà Nẵng.

- Chuẩn bị nội dung tổ chức Đoàn doanh nghiệp đi giao thương các tỉnh Salavan, Savannakhet và Champasak nước CHDCND Lào năm 2017; Đề án Hợp tác phát triển thương mại điện tử giữa 3 tỉnh 3 nước.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch 126/KH-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng đến năm 2020; Ban hành Chương trình hành động về phòng, chống tham nhũng theo Kế hoạch số 2699/KH-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh.

- Phối hợp chuẩn bị nội dung, các hồ sơ, tài liệu phục vụ Đoàn Thanh tra Bộ Nội vụ; Làm việc với Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại tỉnh về triển khai giải pháp thực hiện nhiệm vụ các tháng cuối năm 2017.

- Đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh; UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý ngành Công Thương được áp dụng tại UBND cấp huyện.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 9 năm 2017

- Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Thực hiện và hoàn thành báo cáo tổng hợp 2 Đề tài khoa học (công nghiệp chế biến gỗ và logistics).

- Phối hợp Trung Tâm quan trắc và Kỹ thuật môi trường lập Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp khảo sát, đánh giá thực trạng và các điều kiện phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh để Bộ Công Thương định hướng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018 – 2022 và trình UBND tỉnh; Kiểm tra, hướng dẫn lập hồ sơ, xác nhận ưu đãi các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét, công nhận các cụm công nghiệp làng nghề; Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Đề án khuyến công quốc gia hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Cửa Tùng.

- Phối hợp Viện năng lượng lập Quy hoạch điện mặt trời tỉnh đến năm 2020; Tiếp tục triển khai gói thầu số 4 thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị; Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đôn đốc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kiểm tra xử lý vi phạm an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung năm 2017; Triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Đề xuất UBND tỉnh cho xây dựng Đề án Quy định một số chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tỉnh giai đoạn 2017-2025; Trình UBND tỉnh ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện Kế hoạch hợp tác giữa Plan Quảng Trị và Sở Công Thương. Tổ chức Hội nghị song phương thúc đẩy giao thương giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet; Triển khai Đoàn giao thương các tỉnh nước bạn Lào; Chuẩn bị công tác tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển thương mại điện tử giữa 3 tỉnh 3 nước.

- Chỉ đạo thực hiện các đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2017; Làm việc với Đoàn công tác Bộ Công Thương về tiến độ thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2017.

- Triển khai Đề án nâng cấp công thông tin xuất nhập khẩu; xây dựng Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; Tiếp tục chuẩn bị các nội dung để tổ chức gian triển lãm trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà Nẵng.

- Tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Tham mưu thực hiện kế hoạch số 53-KH/TU ngày 24/4/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2017; Triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; Triển khai dịch vụ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Sở năm 2017.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 8 năm 2017 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 9 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Vĩnh



BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 8 năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	385	332	1634	510	1637	86,23%	65,10%	99,82%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	717,35	805	2722	743	3350	112,25%	108,32%	81,23%
3	Đá xây dựng	M3	77533,0	78309	569524	62765	539255	101,00%	124,77%	105,61%
4	Tinh bột sắn	Tấn	4258	4910	73736	7228	65992	115,31%	67,93%	111,73%
5	Bia lon	1000 lít	1586	1800	14039	1843	10726	113,49%	97,67%	130,89%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1037	1100	8290	906	7236	106,08%	121,41%	114,57%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	315,00	351	1967	336,00	1422,00	111,43%	104,46%	138,33%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	8880,64	11058	48782	9762,74	48360,74	124,52%	113,27%	100,87%
9	Dăm gỗ	Tấn	27497	27714	138653	26862	104803	100,79%	103,17%	132,30%
10	Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	M3	17934	17000	144944	17698	75453	94,79%	96,06%	192,10%
11	Dầu thông	Tấn	135	100	895	119	976	74,07%	84,03%	91,70%
12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4918	5450	37992	3688	24915	110,82%	147,78%	152,49%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	185	210	1302	150	1038	113,51%	140,00%	125,43%
14	Săm xe các loại	1000 cái	485	490	3031	409	2788	101,03%	119,80%	108,72%
15	Gạch xây	1000 viên	10296	10814	101494	11006	106284	105,03%	98,25%	95,49%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	342	304	3227	314	3488	88,89%	96,82%	92,52%
17	Xi măng	Tấn	29520	31620	217211	27890	209562	107,11%	113,37%	103,65%
18	Điện sản xuất	Triệu KWh	42	41	326	32	216	97,62%	128,13%	150,93%
19	Điện thương phẩm	Triệu KWh	52	52	371	51	353	100,00%	101,96%	105,10%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Nước máy	1000 m ³	1108	1105	7974	1078	7657	99,73%	102,50%	104,14%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2057,35	2105,15	16087,96	1924,31	14374,02	102,32%	109,40%	111,92%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1737,87	1783,50	13695,44	1641,78	12295,73	102,63%	108,63%	111,38%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	120,16	124,84	1008,52	113,23	831,90	103,89%	110,25%	121,23%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,75	-	-	-	-	133,51%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1030,03	1055,28	8255,36	970,01	7433,24	102,45%	108,79%	111,06%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	587,67	603,39	4430,82	558,54	4030,59	102,67%	108,03%	109,93%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		319,48	321,64	2392,52	282,53	2078,29	100,68%	113,84%	115,12%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	233,40	234,76	1721,84	204,90	1491,16	100,58%	114,57%	115,47%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		230,35	231,76	1699,41	202,05	1470,84	100,61%	114,70%	115,54%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	3,05	3,00	22,44	2,85	20,32	98,43%	105,28%	110,40%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	86,08	86,89	670,68	77,63	587,13	100,92%	111,92%	114,23%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 8/2017

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 7/2017		Tháng 8/2017			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2017 so với tháng 8/2016
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 7 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 7/2017	So với tháng 8/2016	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	126,13	115,07	126,33	100,16	110,60	115,25
1. Công nghiệp khai khoáng	88,09	89,76	83,49	94,78	96,10	100,99
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	129,77	115,12	131,27	101,16	110,72	116,34
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	137,96	131,75	135,48	98,20	118,95	118,80
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108,39	108,55	107,26	98,96	102,18	103,76